

ĐỊA LÍ KINH TẾ

Bài 26

CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ

I – MỤC TIÊU CỦA BÀI HỌC

Sau bài học, HS cần :

1. Về kiến thức

- Hiểu được tầm quan trọng hàng đầu của tăng trưởng GDP trong các mục tiêu phát triển kinh tế ở nước ta.
- Trình bày được những thành tựu to lớn về tốc độ cũng như chất lượng tăng trưởng kinh tế của nước ta.

2. Về kỹ năng

Vẽ biểu đồ đường và phân tích bảng số liệu.

II – CÁC PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Bản đồ Kinh tế chung Việt Nam.
- Atlat Địa lý Việt Nam.
- Phóng to các bảng số liệu, biểu đồ trong SGK.

III – MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LUU Ý

- Tăng trưởng GDP với tốc độ cao và bền vững là con đường để đưa nước ta tiến kịp các nước trong khu vực và trên thế giới, đồng thời tạo tiền đề cho việc đẩy mạnh xuất khẩu, chống lạm phát, giải quyết việc làm, xoá đói, giảm nghèo...
- Trong những năm tiến hành công cuộc Đổi mới, nền kinh tế nước ta có tốc độ tăng trưởng cao ; các ngành kinh tế then chốt, trước hết là nông nghiệp và công nghiệp đều đạt được những thành tựu to lớn.
- Chất lượng nền kinh tế cũng từng bước được cải thiện.

IV – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP)

a) Ý nghĩa của tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước

GV đặt câu hỏi : Tại sao có thể nói tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) có tầm quan trọng hàng đầu trong các mục tiêu phát triển kinh tế ở nước ta ?

Sau khi HS thảo luận và trả lời, GV kết luận :

– Quy mô GDP của nước ta chỉ mới đạt khoảng 53,1 tỉ USD (năm 2005), còn thấp hơn doanh thu của nhiều tập đoàn kinh tế xuyên quốc gia. GDP bình quân đầu người cũng mới chỉ đạt 639,1 USD/người, đứng thứ 7/11 trong khu vực, thứ 39/47 ở châu Á và thứ 146/177 trên thế giới. Vì vậy, tăng trưởng GDP với tốc độ cao và bền vững sẽ chống tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

– Tăng trưởng GDP với tốc độ cao và bền vững còn tạo tiền đề cho việc đẩy mạnh xuất khẩu, chống lạm phát, giải quyết việc làm, xoá đói giảm nghèo... (GV lấy các ví dụ cụ thể để minh họa cho ý này).

b) Tình hình tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước

– Để thấy được những thành tựu to lớn trong tăng trưởng kinh tế thời kì Đổi mới, GV cần phác họa một số nét yếu kém của nền kinh tế nước ta trước thời kì Đổi mới để HS có điều kiện so sánh.

Trước thời kì Đổi mới, do xuất phát của nền kinh tế thấp, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề, sau khi đất nước thống nhất, các chính sách kinh tế chậm thay đổi... dẫn đến nền kinh tế rơi vào khủng hoảng và lạm phát.

Cụ thể :

+ Tốc độ tăng trưởng kinh tế thấp. Từ năm 1976 đến năm 1985, GDP chỉ tăng 4,6%/năm, thu nhập quốc dân chỉ tăng 3,7%/năm.

+ Sản xuất không đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng, phụ thuộc vào bên ngoài ngày càng lớn. Từ năm 1976 đến năm 1985, tốc độ gia tăng dân số trung bình là 2,3% / năm. Với mức gia tăng dân số này, để đảm bảo mức sống của dân cư không giảm thì tốc độ tăng trưởng GDP phải đạt khoảng 7%/năm (thực tế GDP chỉ tăng 4,6%/năm). Rõ ràng là sản xuất trong nước không đáp ứng được các nhu cầu tiêu dùng tối thiểu. Hầu hết các loại hàng thiết yếu đều phải nhập khẩu toàn bộ hay một phần, kể cả các mặt hàng mà lê ra trong nước thừa khả năng sản xuất như gạo...

- + Lạm phát tăng cao, đỉnh điểm là năm 1986 với tốc độ tăng lên tới 774,4%.
- GV yêu cầu HS phân tích biểu đồ hình 26 và bảng 26.1, rút ra một số nhận xét về tình hình tăng trưởng GDP của nước ta trong thời kì Đổi mới. Cụ thể :
 - + Từ năm 1990 đến năm 2005, tổng sản phẩm trong nước tăng liên tục với tốc độ bình quân 7,2%/năm (giai đoạn 1976 – 1985 chỉ tăng 4,6%/năm).
 - + Những năm đầu Đổi mới, do điểm xuất phát thấp nên tốc độ tăng trưởng kinh tế rất cao. Sau đó, tác động tiêu cực của khủng hoảng kinh tế – tài chính đã khiến tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm mạnh, tuy nhiên trong bối cảnh kinh tế nhiều nước ở khu vực giảm sút trầm trọng mà nước ta vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng kinh tế tương đối cao là một thành công lớn (xem bảng 26.1). Từ năm 2000, kinh tế nước ta lại khởi phát với tốc độ tăng trưởng bình quân trên 7%/năm.
 - + Kết luận : Thành tựu kinh tế của những năm Đổi mới là hết sức to lớn. Việt Nam đứng vào hàng các nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao của khu vực và châu Á.
 - GV yêu cầu HS phân tích bảng 26.2 để thấy được sự tăng trưởng kinh tế thể hiện ở tất cả các khu vực kinh tế. Tuy nhiên, khu vực công nghiệp và xây dựng có tốc độ tăng trưởng cao hơn rất nhiều so với khu vực nông, lâm nghiệp và thuỷ sản. Điều đó giải thích sự giảm tỉ trọng của khu vực nông, lâm nghiệp và thuỷ sản trong cơ cấu giá trị tổng sản phẩm trong nước.

c) *Những hạn chế*

Chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế là một vấn đề đang rất được quan tâm. GV nên dành thời gian để giải thích thêm cho HS. Có thể sử dụng những ví dụ thực tế để làm rõ thêm vấn đề này.

V – THÔNG TIN BỔ SUNG

Có 3 yếu tố đầu vào tác động đến tốc độ tăng trưởng GDP là vốn, lao động và năng suất các nhân tố tổng hợp (hiệu quả đầu tư, hiệu quả quản lý, năng suất lao động...) ; tăng vốn đầu tư, tăng lao động và tăng năng suất đều là những yếu tố kích thích sự tăng trưởng GDP. Nếu sự tăng trưởng chủ yếu dựa vào tăng nguồn vốn đầu tư, tăng nguồn lao động giá rẻ, qua đó số lượng sản phẩm tăng nhưng chất lượng chưa cao... thì được gọi là tăng trưởng theo chiều rộng. Chất lượng tăng trưởng kinh tế được đánh giá trên cơ sở tăng năng suất các nhân tố tổng hợp do tăng cường áp dụng các thành tựu khoa học – công nghệ tiên tiến, nguồn lao động có chất lượng cao, nhờ đó tăng chất lượng sản phẩm, hạ giá thành, tăng hiệu quả

cạnh tranh trên thị trường. Giai đoạn 1993 – 1997, yếu tố năng suất đóng góp khoảng 15% thì sang giai đoạn 1998 – 2002 đã tăng lên 22,5%. Điều này cho thấy chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế đã tăng lên. Tuy nhiên, chất lượng tăng trưởng vẫn còn nhiều hạn chế : Nền kinh tế nước ta vẫn đang thiên về phát triển theo chiều rộng, yếu tố năng suất tuy đã đạt 22,5% nhưng vẫn còn thấp hơn của Thái Lan (35%), Phi-lip-pin (41%) và In-đô-nê-xi-a (43%)... Công nghệ sản xuất còn lạc hậu, các doanh nghiệp công nghiệp thuộc nhóm ngành công nghệ cao chỉ đạt 20,6%, trong khi nhóm ngành công nghệ thấp còn chiếm tới 58,7%.

Năng lực cạnh tranh của nền kinh tế còn yếu, giá thành nhiều loại sản phẩm còn cao hơn nhiều so với quốc tế, vì vậy hiệu quả kinh tế của các doanh nghiệp còn thấp. Đó là những thách thức rất lớn, đòi hỏi nền kinh tế của chúng ta phải có những chuyển biến lớn khi Việt Nam đã trở thành thành viên của WTO.